TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày: 28-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị A.

Bà Phạm Thị Huế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/Vũ Ngọc P; sinh năm: 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: lô D khu M, phường N, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Ngọc T và bà: Trần Thị T; tiền án: 02 (ngày 26/9/2007 bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2007/HSST; ngày 27/9/2012 bị Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 208/2012/HSST); tiền sự: Không; nhân thân: ngày 27/9/2007 bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2007/HSST; bị giữ ngày: 05/9/2018; tạm giữ ngày: 05/9/2018; tạm giam ngày: 11/9/2018.

2/Nguyễn Quốc T; sinh năm: 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: Không; nơi ở: lô B khu M, phường N, Quận I; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quốc T (chết) và bà: Nguyễn Thị V; có vợ: Nguyễn Thị Trường G và 02 con (sinh năm 2006 và 2009); tiền án: 02 (ngày 08/7/2010 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án hình sự số 166/2010/HSST; ngày 27/9/2012 bị Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 208/2012/HSST); tiền sự: Không; nhân thân:/; bị giữ ngày: 05/9/2018; tạm giữ ngày: 05/9/2018; tạm giam ngày: 11/9/2018.

(Bị cáo có mặt).

- *Bị hại:*

Bà Nguyễn Thị Thanh N – Sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, Phường C, quận T, TP.HCM.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/Bà Nguyễn Thị Ngọc T – Sinh năm: 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Nguyễn D, Phường K, Quận T, TP.HCM.

2/Ông Nguyễn Chí D – Sinh năm: 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường C, Phường B, Quận T, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 05/9/2018, Vũ Ngọc P gặp và rủ Nguyễn Quốc T đi cướp giật tài sản, chia nhau tiêu xài, T đồng ý, P giao xe môtô biển số 71B2-811.57 cho T điều khiển chở P đi tìm người có tài sản sơ hở để chiếm đoạt. Đến 13 giờ 00 phút cùng ngày, khi đi đến trước nhà M đường N, Phường S, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh thì P nhìn thấy chị Nguyễn Thị Thanh N đứng trên lề đường quay mặt vào trong (trên tay trái chị Nguyên cầm 01 chiếc bóp màu đen); P liền chỉ cho T thấy, T điều khiển xe vòng ngược lại áp sát chị Nguyên, để P ngồi sau dùng tay phải giật chiếc bóp đang cầm trên tay; giật được tài sản, T tăng ga chở P bỏ chạy. Ngay lúc này, lực lượng tuần tra Phòng PC 02 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện, đuổi theo và bắt giữ được T, P cùng vật chứng giải giao đến Công an Phường 1, Quận 10. Công an Phường 1, Quận 10 lập hồ sơ bắt người phạm tội quả tang; sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc bóp màu đen bên trong có 2.700.000 đồng và 01 số giấy tờ tùy thân; cơ quan Công an đã thu hồi và giao trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh N. Nhận lại tài sản, chị Nguyên không có yêu cầu gì khác.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố điều tra đối với Vũ Ngọc P và Nguyễn Quốc T về hành vi "Cướp giật tài sản". Quá trình điều tra, P và T đã khai nhận hành vi như trên.

Ngoài ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 còn tạm giữ 02 điện thoại di động hiệu Nokia 105 và N1280, 01 điện thoại di động hiệu Zip 68, 01 điện thoại di động hiệu Mobell. Đây là tài sản cá nhân của Vũ Ngọc P, Nguyễn Quốc T nên cơ quan Công an đã giao lại cho gia đình các bị cáo quản lý (theo yêu cầu của các bị cáo).

Riêng đối với 01 xe môtô gắn biển số 71B2-811.57 có số khung: BY-156925, số máy: F24E-0712064. Qua xác minh biển số xe 71B2-811.57 được biết là của xe môtô khác hiệu Honda Airblade do anh Phạm Văn S đứng tên chủ sở hữu. Anh S khai anh mua xe vào tháng 3/2016, hiện anh vẫn đang sử dụng chiếc xe trên và trong suốt quá trình sử dụng anh không làm mất biển số xe. Xác minh số khung: BY-156925, số máy: F24E-0712064 được biết là của xe môtô hiệu Honda Lead biển số 59L1-432.14 do chị Nguyễn Thị Ngọc T đứng tên chủ sở hữu. Chị T bán lại chiếc xe cho anh Nguyễn Chí D vào khoảng tháng 4/2018. Anh D khai bị mất chiếc xe tại nhà đường L, Phường C, Quận O. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả lại chiếc xe cho anh D. Vũ Ngọc P khai mua chiếc xe trên của một đối tượng không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 3.000.000 đồng. Riêng biển số 71B2-811.57 đã tạm giữ lại.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Vũ Ngọc P, Nguyễn Quốc T về tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Vũ Ngọc P, Nguyễn Quốc T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt

hại); đã đề nghị Hội đồng xét xử tương ứng áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo:

Vũ Ngọc P từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Nguyễn Quốc T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Đối với 01 biển số 71B2-811.57, lưu hành bất hợp pháp; vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, đối chiếu nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, bị hại, vật chứng thu giữ được, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Vũ Ngọc P, Nguyễn Quốc T phạm tội "Cướp giật tài sản".

Các bị cáo đã có hành vi thống nhất ý chí hành động dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe môtô có phân khối lớn, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà nhanh chóng công khai cướp giật tài sản của bị hại ngay trên đường phố, nên các bị cáo bị truy tố và xét xử về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Trong vụ án này, bị cáo P là người khởi xướng, cung cấp P tiện và trực tiếp chiếm đoạt tài sản, còn bị cáo T là người điều khiển P tiện chở đồng bọn chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát, ngoài ra bản thân các bị cáo có nhân thân rất xấu, cụ thể đối với bị cáo P: ngày 27/9/2007 bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" [đã xóa án tích theo Điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017)], ngày 26/9/2007 bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", ngày 27/9/2012 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; đối với bị cáo T: Ngày 08/7/2010 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", ngày 27/9/2012 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; tất cả đều chưa được xóa án tích; như vậy các bị cáo đã bị kết án thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, hành vi này đương nhiên là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên các bị cáo bị truy tố và xét xử thêm một tình tiết định khung nữa quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương

tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa P; ngoài ra áp dụng khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) phạt bổ sung từng bị cáo một số tiền để nộp ngân sách Nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với từng bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi, trả lại cho bị hại; do vậy không có gì để Tòa án giải quyết.

Về vật chứng: Đối với 01 biển số 71B2-811.57, lưu hành bất hợp pháp; vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Ngọc P, Nguyễn Quốc T phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; điểm d, i khoản 2, 5 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Vũ Ngọc P;

Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc P 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2018.

Phạt bổ sung bị cáo P 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; điểm d, i khoản 2, 5 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Quốc T;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2018.

Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, tiêu hủy: 01 biển số 71B2-811.57.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/4/2019 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo P chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thị hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (5)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Triệu Luật